

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST

Ngày 03/8/2018

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG, TỈNH LÀO CAI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - CH tọa phiên tòa: Ông Đặng Hải Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lò Cui THy.
2. Ông Lù Chí Cường.

Thư ký phiên tòa: Ông Giàng Mạnh Vàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

Ngày 03 tháng 8 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2018/TLST-HNGĐ ngày 6 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp “ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2018/QĐST – HNGĐ ngày 19/7/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lèng Thị H.

Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lùng Chúng T.

Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 30 tháng 5 năm 2018 và bản tự khai ngày 11/6/2018 nguyên đơn chị Lèng Thị H trình bày: Chị và anh Lùng Chúng T lấy nhau năm 2009 nhưng đến ngày 13/03/2012 mới đi làm tH tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Trước khi kết hôn anh, chị có tìm hiểu tự nguyện không ai ép buộc, thời gian đầu vợ, chồng sống hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình vợ, chồng không hợp bất đồng quan điểm sống, mặc dù hai bên gia đình khuyên bảo động viên nhưng tình cảm hai vợ chồng không hàn gắn được, hai vợ chồng đã ly thân từ tháng 01/2016 cho đến nay

mặc dù đã được hai bên gia đình nội, ngoại khuyên bảo động viên nhưng không trở về đoàn tụ được. Vì vậy chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lùng Chúng T.

Về con: Trước khi kết hôn anh, chị không ai có con riêng. Sau khi lấy nhau về sinh được một người con chung là Lùng Văn Th sinh ngày 7/7/2011, nguyện vọng của chị nếu được Tòa án giải quyết cho ly hôn chị xin chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Th đến tuổi trưởng thành và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho cháu Th là 1.800.000 đồng/tháng.

Về tài sản: Trước khi kết hôn anh, chị không ai có tài sản riêng. Sau khi lấy nhau về chưa tạo dựng được tài sản gì chung, vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản nợ: chị và anh T không nợ ai hoặc cho người khác vay nợ vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20/6/2018 bị đơn anh Lùng Chúng T trình bày: Về thời gian và điều kiện kết hôn giữa anh và chị Lùng Thị H là đúng, hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống, vợ chồng tính tình không hợp nhau dẫn đến cãi chửi nhau từ năm 2015. Anh T cho rằng vợ chồng anh không còn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng nếu chị H mà cương quyết xin ly hôn anh cũng nhất trí.

Tại biên bản hòa giải ngày 26 tháng 06 năm 2018 bị đơn anh Lùng Chúng T không đồng ý ly hôn với chị H. Anh T cho rằng vợ chồng chị vẫn còn tình cảm, đôi khi xảy ra mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ. Anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn chưa đến mức trầm trọng nên anh không đồng ý việc chị H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Tại biên bản hòa giải ngày 03/7/2018 anh, chị đã thống nhất thuận tình ly hôn nên ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Về con: Anh và chị H trước khi kết hôn không ai có con riêng nên anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi lấy nhau về anh, chị sinh được một người con chung là Lùng Văn Th sinh ngày 7/7/2011. Nguyện vọng của anh nếu Tòa giải quyết ly hôn với chị H thì anh xin được chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Th đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho cháu Th.

Về tài sản: Anh và chị H không ai có tài sản riêng và tài sản chung gì. Về khoản nợ không nợ ai hoặc cho người khác vay nợ, vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giao Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn Lùng Chúng T theo quy định tại điều 196 của Bộ luật tố tụng dân sự, và Tòa án đã tiến hành thông báo hòa giải theo tH tục chung để giải

quyết vụ án. Ngày 19/07/2018 Tòa án đưa vụ án ra xét xử mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhưng Anh Lùng Chúng T đã không có mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do nên Tòa án đã ra quyết định hoãn phiên tòa ấn định ngày xét xử. Tòa đã đi xác minh tại địa phương nơi anh T cư trú hiện không có mặt tại địa phương nên đã niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa tại Ủy ban nhân dân xã L. Nên áp dụng điểm b khoản 2 điều 227 của bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lèng Thị H và anh Lùng Chúng T xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2009 và đăng ký kết hôn vào ngày 13/03/2012 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

Trước khi kết hôn có tìm hiểu và tự nguyện kết hôn đó là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nhưng trong quá trình chung sống anh, chị đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng tính tình không hợp dẫn đến bất đồng quan điểm sống, chị H và anh T đã ly thân nhau từ ngày 01/2016 không ai quan tâm đến ai. Tại biên bản hòa giải ngày 03/7/2018 anh, chị đã thống nhất thuận tình ly hôn nên ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân gia đình để giải quyết.

[3]. Về con: Trong thời gian chung sống, anh chị sinh được một người con chung là cháu Lùng Văn Th sinh ngày 7/7/2011. Tại biên bản hòa giải ngày 03/7/2018 chị lại thay đổi mức cấp dưỡng và có nguyện vọng nếu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn anh T chị xin chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Th đến tuổi trưởng thành và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho cháu Th là 1.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu Th trưởng thành (đủ 18 tuổi). Còn nguyện vọng của anh T nếu ly hôn, anh sẽ xin nuôi dưỡng, giáo dục cháu Th đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho cháu Th. Tòa xét thấy hiện nay cháu Lùng Văn Th đang ở với chị H để bảo vệ người phụ nữ nên giao cháu Th cho chị H chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục, còn anh T hay đi làm ăn xa ít có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Th tốt như chị H được. Tòa án yêu cầu các đương sự cung cấp chứng cứ, anh T cung cấp mức thu nhập của Ủy ban nhân dân xã L xác nhận là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng)/tháng, còn chị H cung cấp mức thu nhập của chị là 1.800.000đ (một triệu tám trăm ngàn đồng)/tháng. Chị H có yêu cầu anh T đóng góp tiền cấp dưỡng cho cháu Th là 1.000.000 đồng/ tháng là phù hợp. Vì anh T có mức thu nhập cao hơn chị H và để tạo điều kiện đảm bảo cho chị H nuôi cháu Th được tốt nên anh T cấp dưỡng theo yêu cầu của chị H là phù hợp. Vì vậy nên giao cháu Lùng Văn Th cho chị Lèng Thị H chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Nên áp dụng khoản 1,2 điều 81; Khoản 1,2,3 Điều 82; Khoản 1,2 Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình để giải quyết.

[4]. Về tài sản: Chị H và anh T không có tài sản riêng và tài sản chung, về khoản nợ cũng không nợ ai hoặc cho người khác vay nợ vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Lèng Thị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 của

ng nghị quyết: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016. Anh Lùng Chúng T phải chịu phải chịu án phí cấp dưỡng theo định kỳ theo điểm a khoản 6 điều 27 của Nghị Quyết: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 55 ; Khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1,2,3 Điều 82; khoản 1,2 Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình. Điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lèng Thị H và anh Lùng Chúng T.

Xử: Giao cháu Lùng Văn Th sinh ngày 07/7/2011 cho chị Lèng Thị H chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh Lùng Chúng T phải đóng góp tiền nuôi con chung cho cháu Lùng Văn Th là 1000.000 đồng /tháng kể từ ngày 01/9/2018.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại điều 357 Bộ luật dân sự.

Anh Lùng Chúng T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

Về án phí: Áp dụng khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị Quyết: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Chị Lèng Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2012/0000207 ngày 6/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Anh Lùng Chúng T phải chịu tiền án phí nuôi con theo định kỳ là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Chị Lèng Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lùng Chúng T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh+ huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu tập án
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – CH tọa phiên tòa

Đặng Hải Quân

-